

vietjet Air.com	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Số: VJC-HĐQT-QC-02
	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Ban hành/Sửa đổi: 02/00
		Ngày hiệu lực: 20/02/2017
		Trang: 1 / 23

vietjet Air.com

KIỂM TRA VÀ PHÊ DUYỆT

Cấp trình/ Phê duyệt	Chức danh và Họ tên	Chữ ký	Ngày
Bộ phận trình duyệt	Thư ký HĐQT		20 FEB 2017
	Phạm Thị Yên		
Trưởng ban Kiểm soát	Trần Dương Ngọc Thảo		20 FEB 2017
Hội đồng Quản trị	Chủ tịch HĐQT		20 FEB 2017
	Nguyễn Thanh Hà		



CHỈNH SỬA TÀI LIỆU

STT	Ngày hiệu lực	Vị trí	Nội dung chỉnh sửa

DANH SÁCH PHÂN PHỐI

STT	Người nhận	Ghi chú
1	Hội đồng Quản trị	
2	Ban Điều hành	
3	Ban Kiểm soát	
4	Các Trưởng đơn vị	

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	5
 Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ	5
Điều 4. Các loại hình công bố thông tin	5
Điều 5. Các loại thông tin được công bố.....	5
Điều 6. Thời hạn và nội dung công bố thông tin	6
Điều 7. Công bố thông tin khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng.....	13
Điều 8. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	14
Điều 9. Hình thức và phương tiện công bố thông tin	15
Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin	15
Điều 11. Bảo quản, lưu giữ thông tin	15
Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	16

Chương III: THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ PHÁT NGÔN.....	16
Điều 13. Thẩm quyền của Người công bố thông tin	16
Điều 14. Sơ đồ công bố thông tin	16
Điều 15. Trình tự công bố thông tin	17
Điều 16. Người phát ngôn.....	20
Điều 17. Nội dung phát ngôn	20
Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của người phát ngôn.....	20
Chương IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 19. Điều khoản thi hành.....	21
Điều 20. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	22

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ chế công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet với các cơ quan có thẩm quyền và/hoặc công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật với tư cách là công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức niêm yết và tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng (nếu có).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet.
2. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet.
3. Người nội bộ của Công ty là:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
 - c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - d) Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, người phụ trách kế toán;
 - đ) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
4. “Công bố thông tin” là việc Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK) và theo quy định pháp luật công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng các thông tin cần công bố theo quy định.
5. “Phát ngôn” là một hình thức công bố thông tin đặc biệt không bị ràng buộc bởi các quy định đối với hình thức công bố thông tin quy định tại khoản 3 Điều này, chủ yếu thực hiện thông qua hoạt động tiếp xúc, trả lời và tuyên bố trước các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet. Việc phát ngôn do người phát ngôn được Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet chỉ định và giao nhiệm vụ thực hiện.
6. “Các đơn vị trực thuộc” là các Phòng, Ban nghiệp vụ, và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet có liên quan đến các thông tin cần được công bố theo quy định.
7. “Bộ phận Công bố thông tin” là Bộ phận có chức năng thu thập, tổng hợp, xử lý và gửi các thông tin đã được duyệt của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet để công bố. Đồng thời có chức năng quản lý cập nhật trang thông tin điện tử: www.vietjetair.com của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet.

8. "Thông tư 155" là Thông tư số 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Các thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác, kịp thời, nhất quán, có căn cứ, và tuân theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp có bất kỳ thông tin thất thiệt nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được uỷ quyền công bố thông tin phải đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.
3. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được uỷ quyền công bố thông tin phải báo cáo và đồng thời có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK.
4. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố.
5. Quá trình tập hợp, công bố, lưu giữ và bảo quản các thông tin cần công bố phải được thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Các nội dung công bố thông tin

Điều 4. Các loại hình công bố thông tin

1. Công bố thông tin định kỳ.
2. Công bố thông tin bất thường.
3. Công bố thông tin theo yêu cầu.

Điều 5: Các loại thông tin được công bố

1. Công bố thông tin về Giao dịch với Bên Có Liên Quan.
2. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
3. Công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty.
4. Công bố thông tin về chào mua công khai;
5. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ.
6. Các công bố thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 6. Thời hạn và nội dung công bố thông tin

1. **Công bố thông tin định kỳ:** Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Thông tư 155.

Công ty định kỳ hàng quý, 6 tháng đầu năm và hàng năm, báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố trên các phương tiện thông tin của Công ty các thông tin sau đây:

a) Báo cáo tài chính năm:

Chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán, Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, cụ thể như sau:

(i) Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Công ty có thể yêu cầu Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan;

(ii) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

(iii) Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác thì nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm báo cáo tài chính năm của Công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm của Công ty và Báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định của pháp luật kế toán;

(iv) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình;

(v) Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tại Trụ sở chính của Công ty.

b) Báo cáo tài chính bán niên:

(i) Công ty phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên (sáu tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán

được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan;

(ii) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 Thông tư 155;

(iii) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

c) Báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính quý như sau:

(i) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý là trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét và không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp thì thời hạn công bố báo cáo tài chính quý là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý;

(ii) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 155;

(iii) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

d) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: